

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

Ngày 30/09/2025	18,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.7%	-	5.6%

DT thuần Q3/25	708
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼374 -34.6%	
YoY: ▼104 -12.8%	

LN thuần Q3/25	24.7
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼38.6 -60.9%	
YoY: ▼15.3 -38.2%	

LN sau thuế Q3/25	20.1
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼31.2 -60.9%	
YoY: ▼12.6 -38.6%	

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	4.6%
YoY: +/- ▼ 2.0%	

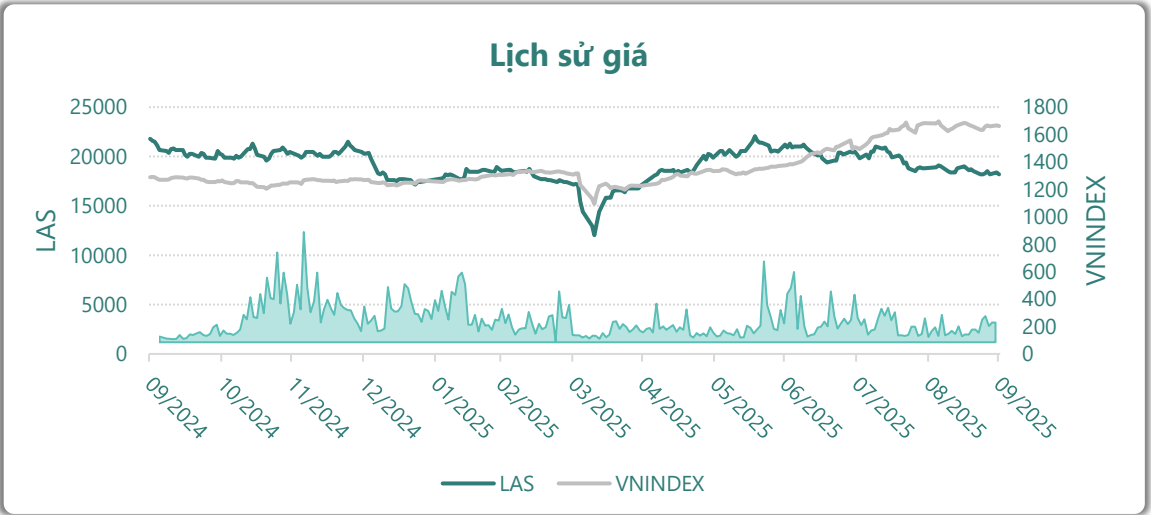
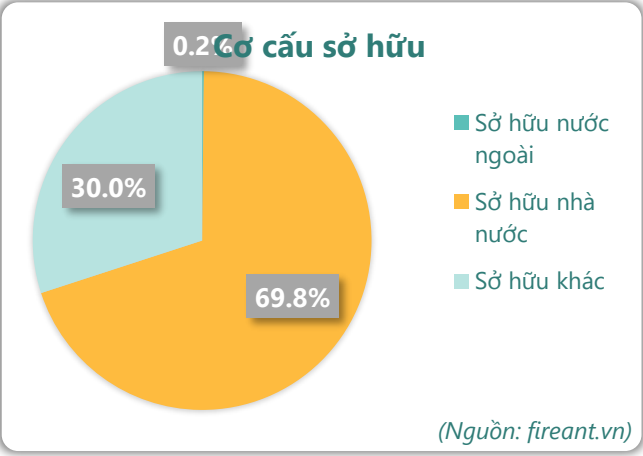
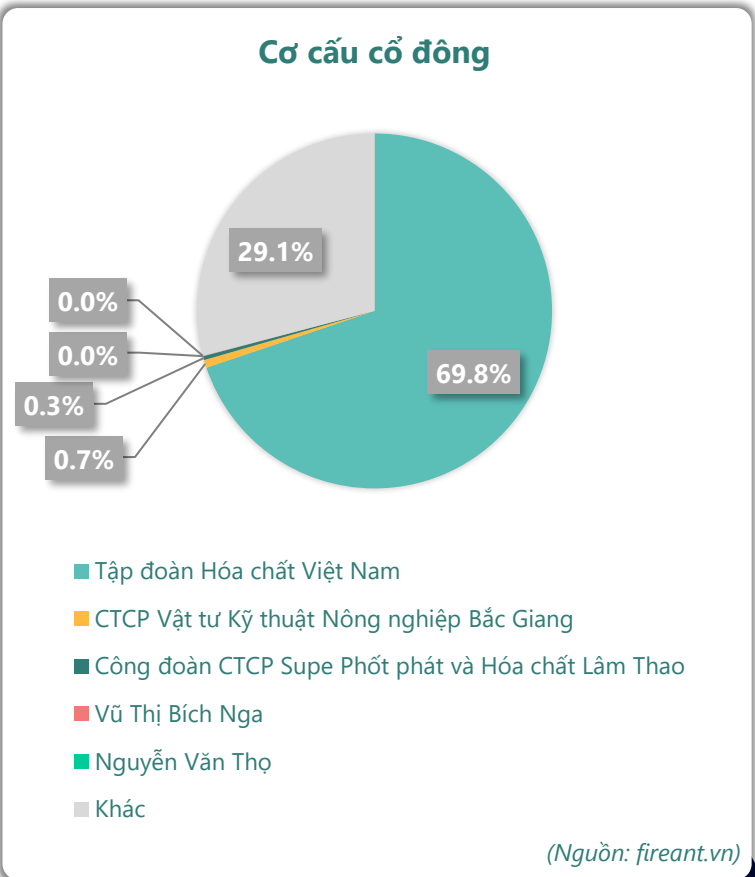
ROE (TTM) Q3/25	11.1%
YoY: +/- ▼ 1.1%	

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,026 - 22,063
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,054
Số lượng CPLH (CP)	112,856,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	304,465
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.08
EPS	1,419
P/E	12.8

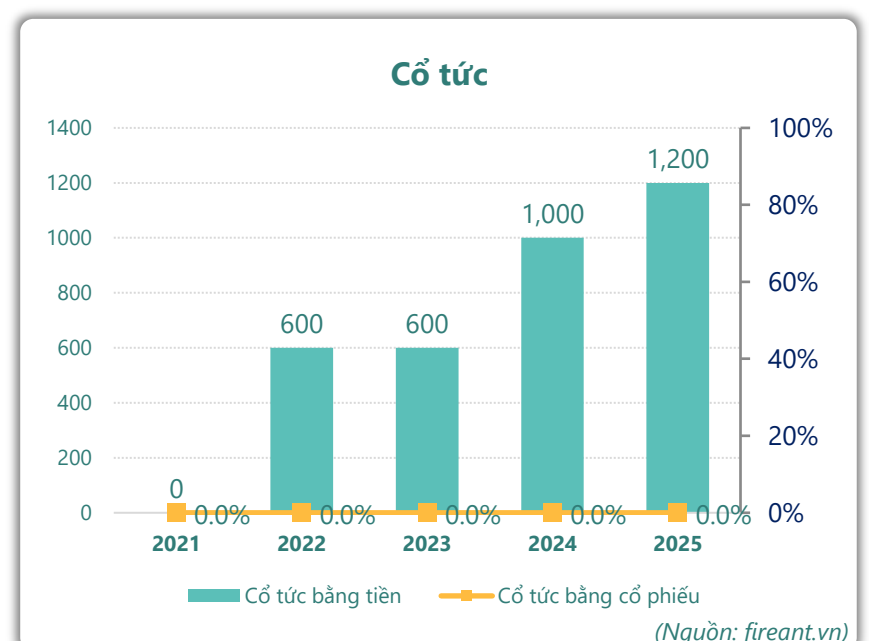
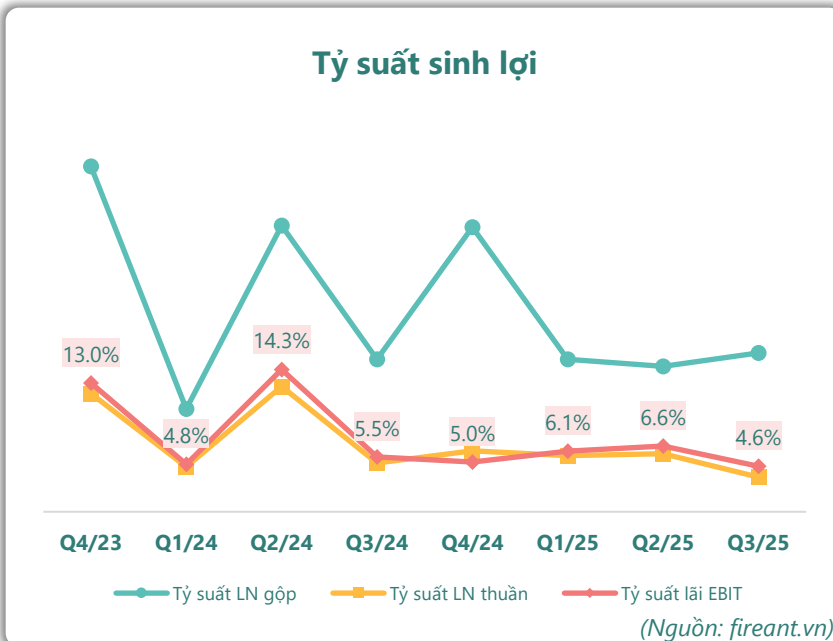
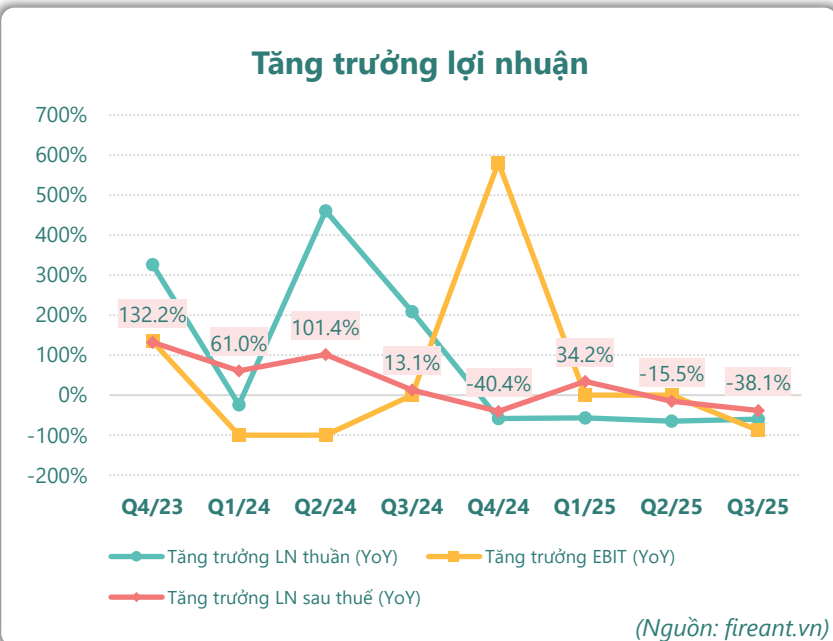
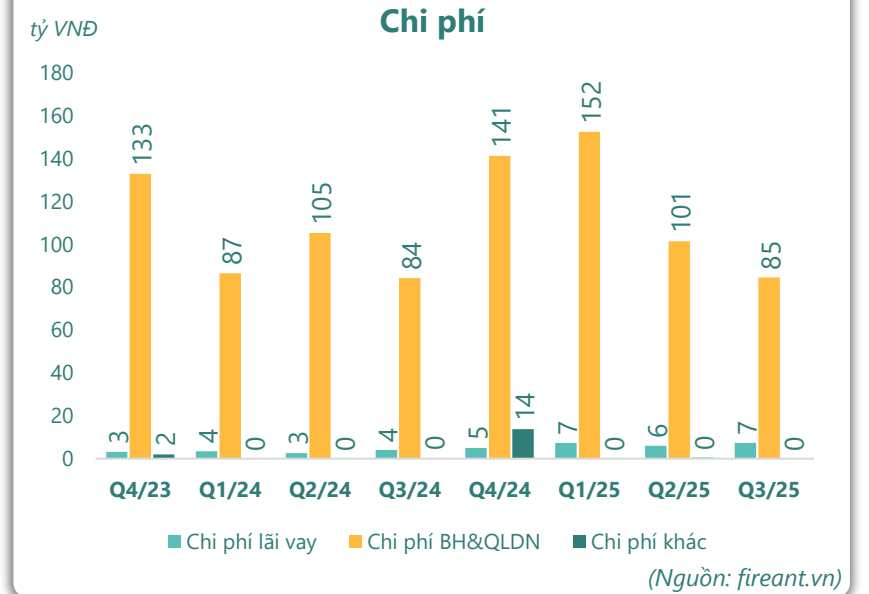
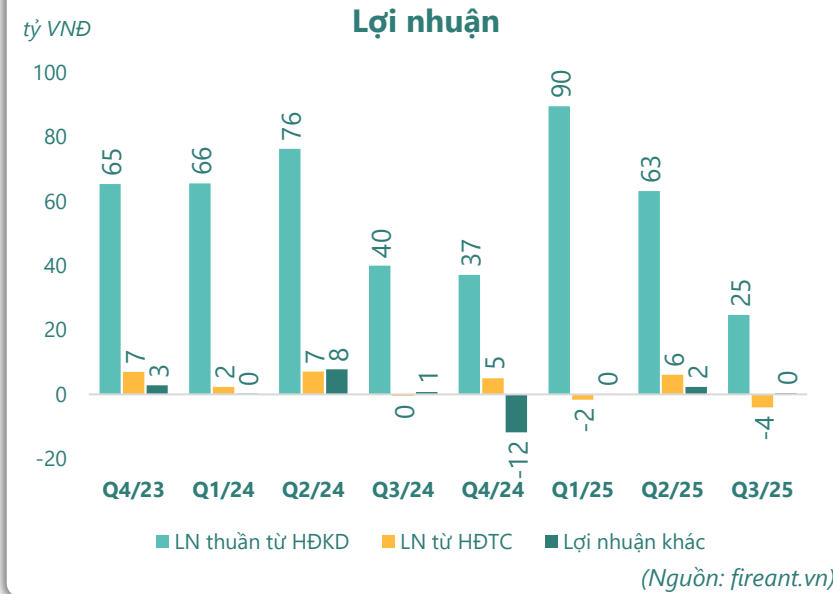
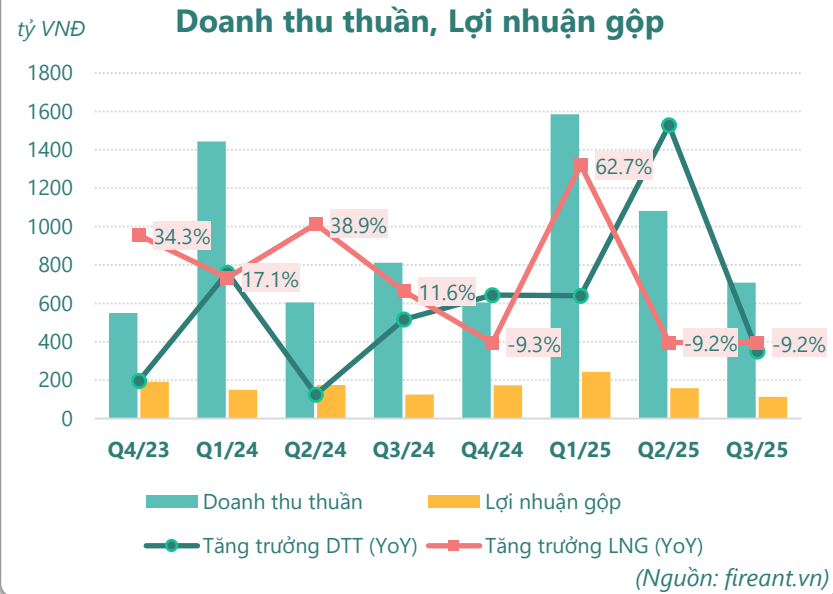
DT thuần 9T 2025	3,376
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 514 18.0%	

LN thuần 9T 2025	178
tỷ VNĐ	
YoY: ▼4.00 -2.5%	

LN sau thuế 9T 2025	143
tỷ VNĐ	
YoY: ▼9.00 -6.1%	



KẾT QUẢ KINH DOANH



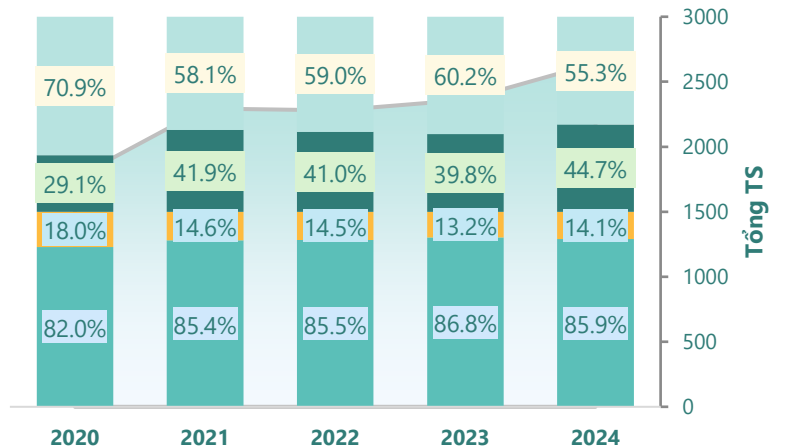


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

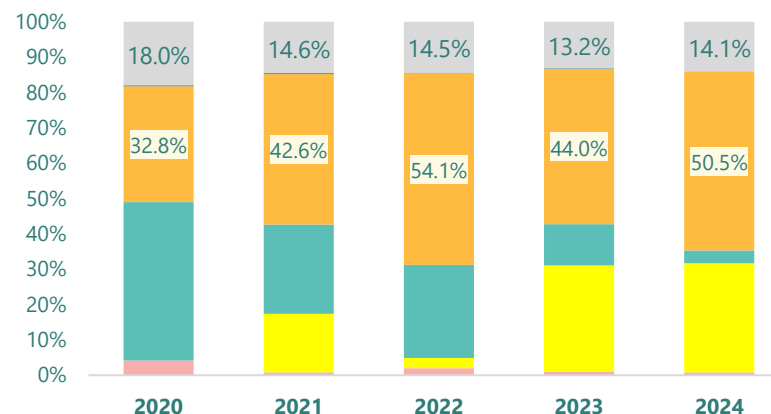
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

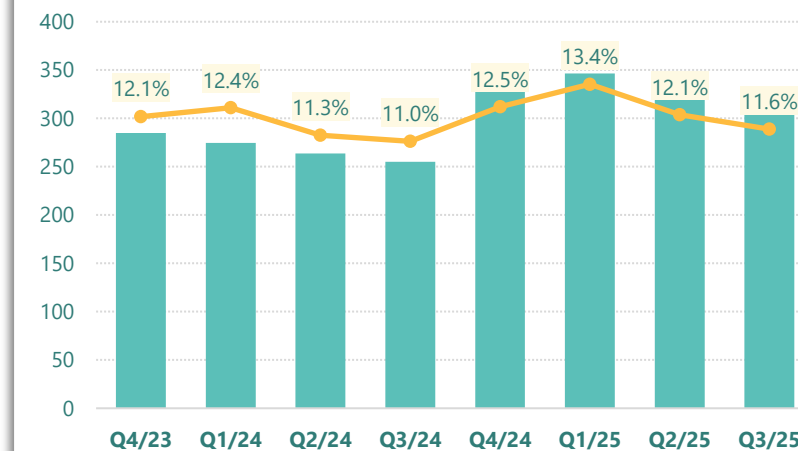


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSN khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

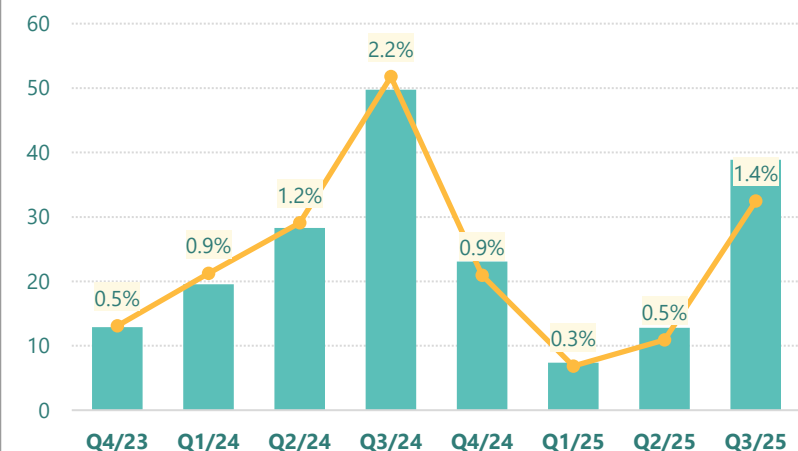


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

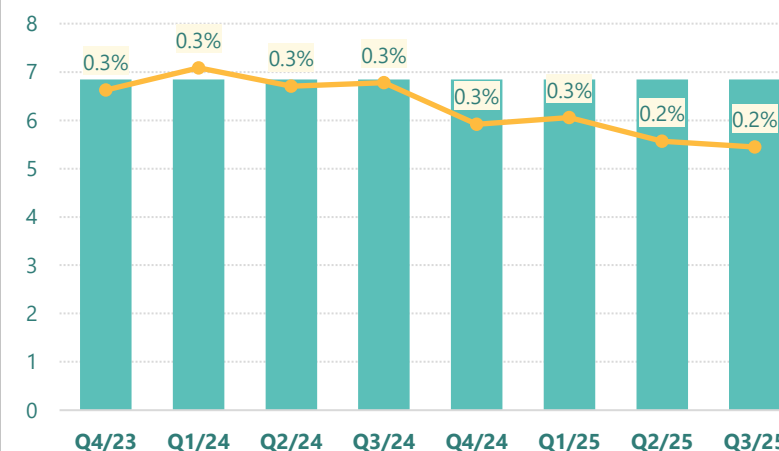


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

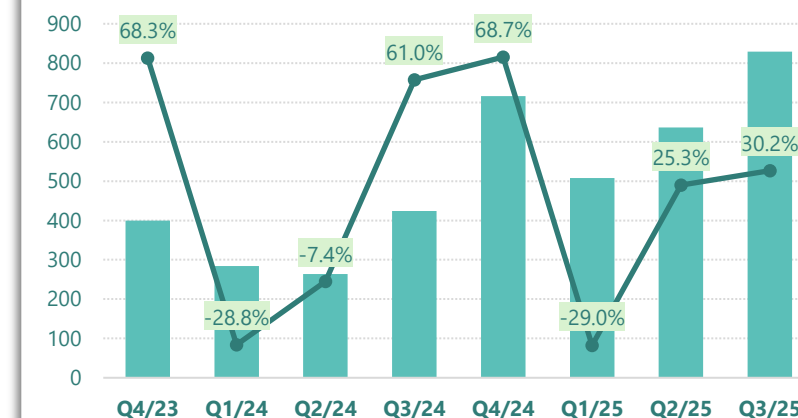


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

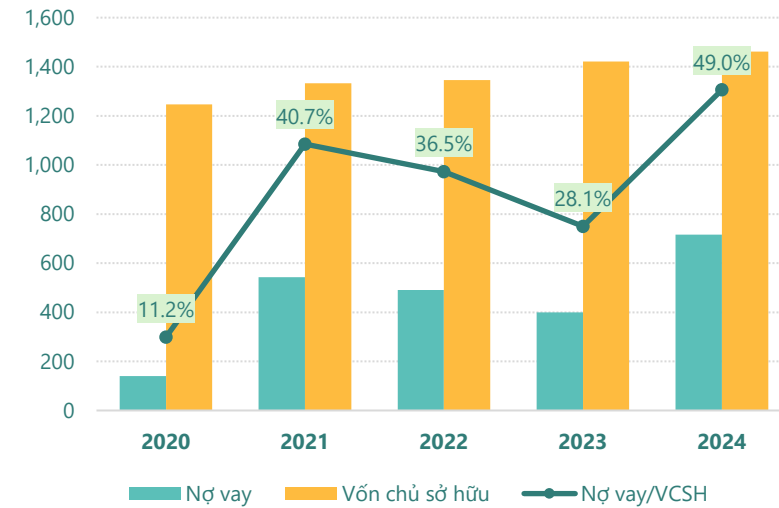
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

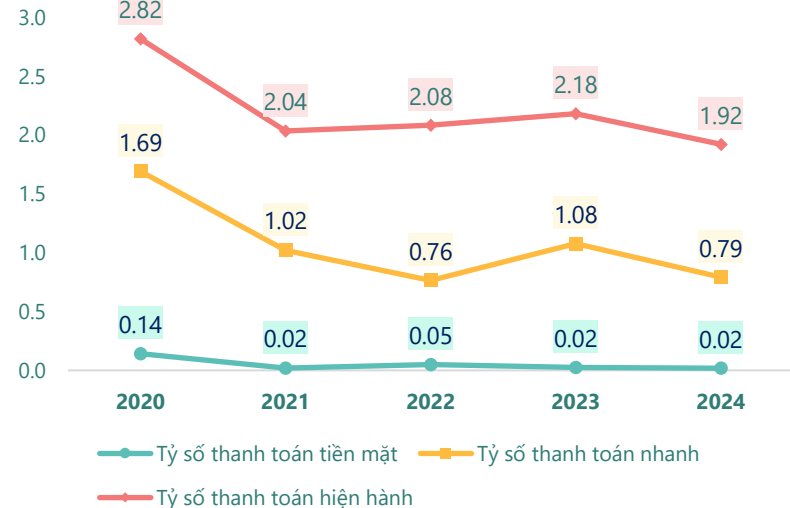
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



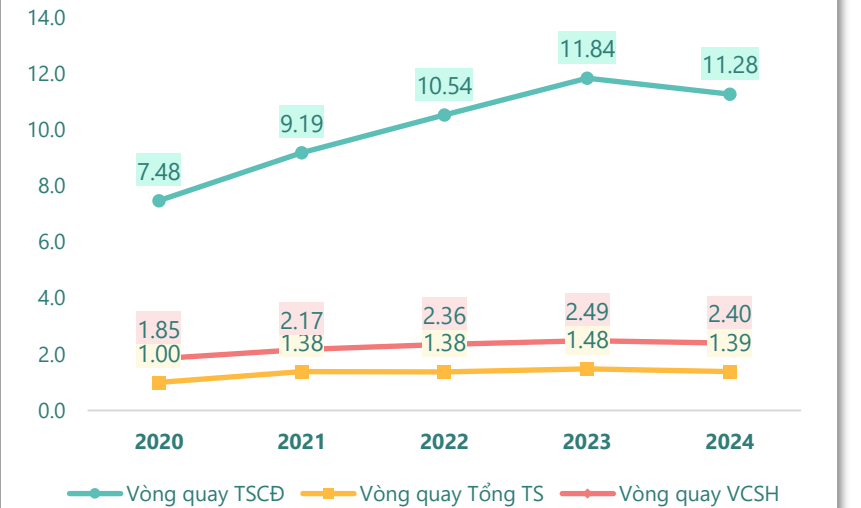
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



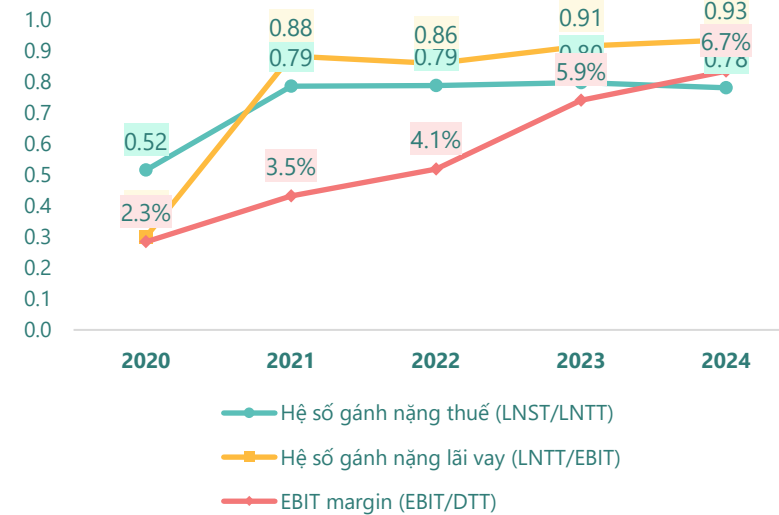
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



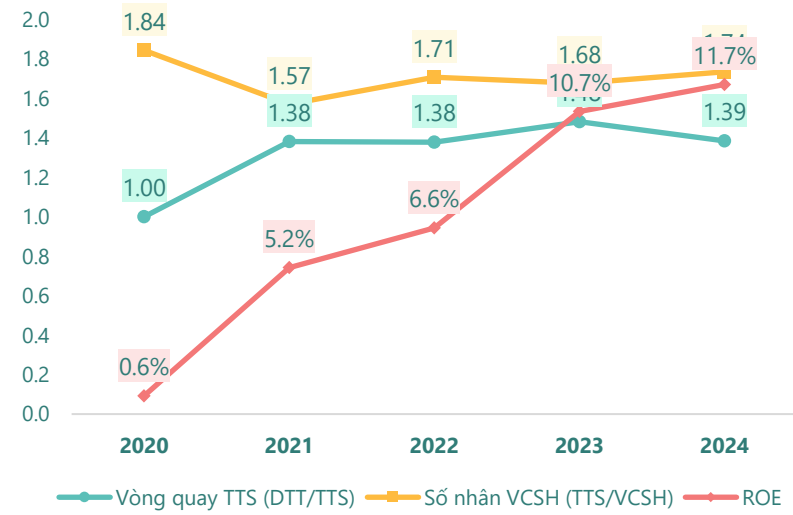
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



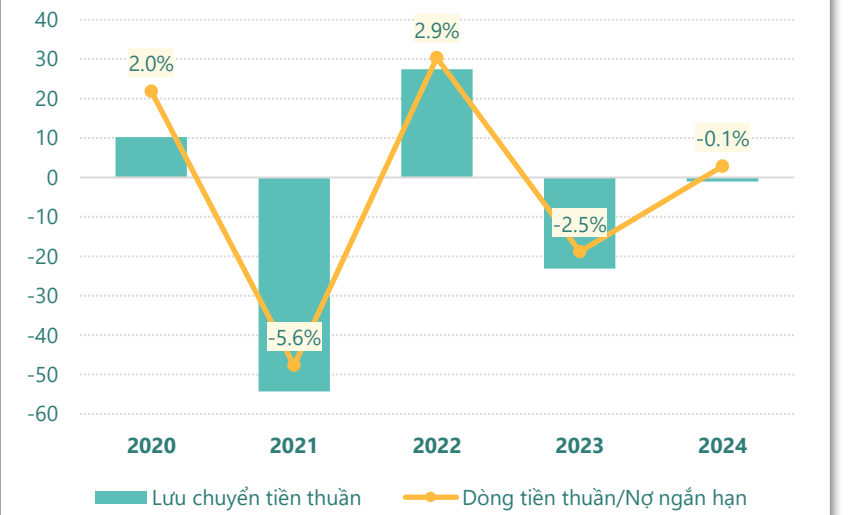
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	708	812	-12.8%	3,376	2,862	18.0%
Giá vốn hàng bán	595	687	-13.4%	2,860	2,412	18.6%
Lợi nhuận gộp	113	125	-9.4%	516	449	14.8%
Doanh thu HĐTC	3.39	3.55	-4.5%	21.3	20.2	5.3%
Chi phí TC	7.45	4.03	84.8%	20.8	11.2	86.3%
Chi phí lãi vay	7.38	4.03	83.0%	20.7	10.1	104%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	40.7	41.1	-1.0%	144	124	15.9%
Chi phí QLDN	43.8	43.2	1.5%	194	152	28.0%
LN thuần từ HĐKD	24.7	40.0	-38.2%	178	182	-2.5%
Lợi nhuận khác	0.37	0.75	-50.6%	2.70	8.70	-68.9%
LN trước thuế	25.1	40.8	-38.5%	180	191	-5.5%
Lợi nhuận sau thuế	20.1	32.7	-38.6%	143	152	-6.1%
LNST của CĐ cty mẹ	20.1	32.7	-38.6%	143	152	-6.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	141	52.6	-381	134	-73.9	-100
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-141	-105	90.1	88.4	-65.2	50.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.9	49.7	291	-208	129	56.7
Tiền đầu kỳ	44.6	23.2	20.6	21.6	35.9	25.4
Lưu chuyển tiền thuần	-21.3	-2.68	1.04	14.3	-10.5	7.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	23.2	20.6	21.6	35.9	25.4	32.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,872	2,643	8.7%
Tài sản ngắn hạn	2,486	2,271	9.5%
Tiền và tương đương tiền	32.6	21.6	50.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	680	815	-16.6%
Phải thu ngắn hạn	492	95.2	417%
Hàng tồn kho	1,262	1,336	-5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	19.1	3.60	432%
Tài sản dài hạn	386	371	3.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	332	330	0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	38.9	23.1	68.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.84	6.84	0.0%
Tài sản dài hạn khác	8.47	11.8	-28.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,420	1,181	20.2%
Nợ ngắn hạn	1,420	1,181	20.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	829	716	15.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	216	265	-18.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,452	1,461	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	1,452	1,461	-0.7%
Vốn điều lệ	1,129	1,129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

